|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ

|  |
| --- |
| **ĐỀ SỐ 1** |

**TRƯỜNG THCS**  | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II****NĂM HỌC 2023- 2024****Môn: Ngữ văn - Lớp 6 ( Tiết 138- 139 )**Thời gian: 90 phút*( không kể thời gian giao đề)* |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luận | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| Truyện đồng thoại, truyện ngắn. |
| Văn bản thông tin  |
| **2** | **Viết** | Tả cảnh sinh hoạt | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn nghị luận** | **Nhận biết:**- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
|  |  | **Truyện đồng thoại, truyện ngắn.** | **Nhận biết:** **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề của văn bản.- Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.- Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.- Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.- Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng**:- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. |
|  |  | **Văn bản thông tin**  | **Nhận biết:**- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản.- Nhận biết được cách thức mô tả vấn đề, tường thuật lại sự kiện trong văn bản thông tin.- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.- Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.- Trình bày được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản. - Trình bày được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản thuật lại một sự kiện với mục đích của nó.- Giải thích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng:** - Rút ra được những bài học từ nội dung văn bản.- Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. |
| **2** | **Viết** | **Tả cảnh sinh hoạt** | **Nhận biết:****Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là miêu tả; tái hiện được chân thực, sinh động khung cảnh và nêu được những thông tin chính về ý nghĩa của cảnh sinh hoạt. |  |  |  | 1TL\* |
| **Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm** | **Nhận biết:** **Thông hiểu:****Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:.............................................. Lớp 6 ....................................................**Điểm** | *Ngày kiểm tra:……../……../ 2024***ĐỀ KTĐG CUỐI HỌC KÌ II****NĂM HỌC 2023- 2024****Môn: Ngữ văn –Lớp 6 ( Tiết 138 + 139 )**Thời gian: 90 phút*( không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

 **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**NGƯỜI ĂN XIN**

*Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.*

*Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:*

*- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.*

 *Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:*

 *- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*

*Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.*

 (*Theo* Tuốc- ghê- nhép)

**1. Điền vào bảng trong phần bài làm chữ cái đầu của phương án trả lời đúng nhất**

**Câu 1 ( 0,5 điểm). Câu chuyện trên viết theo thể loại nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Truyện cười
 | B. Truyện ngắn |
| C. Truyện ngụ ngôn | D. Tiểu thuyết |

**Câu 2 ( 0,5 điểm). Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ngôi thứ nhất | B. Ngôi thứ nhất số nhiều |
| C. Ngôi thứ ba  | D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba |

**Câu 3 ( 0,5 điểm). Nhận xét nào sau đây không đúng khi nói đến tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể trong câu chuyện ?**

A. Giúp câu chuyện trở nên chân thực hơn, giàu sự tin tưởng hơn

B. Giúp nhân vật bộc lộ được tâm trạng, tình cảm dễ dàng hơn

C. Giúp người đọc hiểu rõ về nhân vật hơn

D. Giúp người kể có thể kể chuyện một cách linh hoạt, tư do những gì diễn ra với nhân vật

**Câu 4 ( 0,5 điểm). Hành động của nhân vật tôi “*run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông”* thể hiện tình cảm gì của nhân vật tôi với ông lão ăn xin ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Quan tâm, đồng cảm | B. Cảm thông, chia sẻ |
| C. Lo lắng, thương yêu | D. Đồng cảm, thương yêu |

**Câu 5 ( 0,5 điểm).** **Vì sao không nhận được gì từ nhân vật tôi nhưng ông lão ăn xin vẫn nở nụ cười ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì ông nhận được lời cảm ơn | B. Vì ông nhận được lời xin lỗi  |
| C. Vì ông nhận được sự tôn trọng | D. Vì ông nhận được sự động viên |

**Câu 6 ( 0,5 điểm). Chủ đề của văn bản là gì ?**

A. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ giữa con người với con người

B. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ của nhân vật tôi

C. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ của nhân vật ông lão ăn xin

D. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ của những người đồng cảnh ngộ

**Câu 7 ( 0,5 điểm). Dòng nào sau đây diễn đạt đầy đủ nhất vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật “tôi” trong câu chuyện?**

A. Chàng thanh niên biết rung động trước nỗi đau khổ của người khác.

B. Chàng thanh niên biết đối nhân xử thế.

C. Chàng thanh tốt bụng, chân thành.

D. Chàng thanh niên giàu lòng nhân ái, biết đối nhân xử thế.

**Câu 8 ( 0,5 điểm). Có bao nhiêu từ láy được sử dụng trong câu văn** *“Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi” ?*

|  |  |
| --- | --- |
| A. 1  |  B. 2 |
| C. 3 | D. 4 |

**2. Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9 (1,0 điểm):**  Qua câu chuyện, em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

**Câu 10 ( 1,0 điểm):** Cuộc sống quanh ta đâu đó vẫn còn những mảnh đời bất hạnh, kém may mắn. Em sẽ có những hành động, thái độ gì đối với những người có hoàn cảnh ấy ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

 *Bạo lực học đường, nói chuyện riêng trong các giờ học, xả rác không đúng nơi quy định, nghiện game online...* đang diễn ra khá phổ biến ở trong các trường học hiện nay. Em quan tâm đến hiện tượng nào? Hãy viết một bài văn trình bày ý kiến của mình về một hiện tượng ( vấn đề) trong trường học mà em quan tâm.

**BÀI LÀM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS nêu được bài học cho bản thân. Có thể là:- Bài học về sự cảm thông thái độ sống cách ứng xử giữa con người với con người- Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác.- Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác....*\* Lưu ý: HS có thể nêu bài học khác nhưng đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện, GV vẫn cho điểm tối đa.* | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được hành động, thái độ của cá nhân một cách hợp lí, gắn với nội dung bài học được rút ra từ câu chuyên. Ví dụ:- Hành động: giúp đỡ, chia sẻ khó khăn với họ bằng những việc làm trong khả năng của mình.- Thái độ: ân cần, chân thành, quan tâm, yêu thương, tôn trọng...*\* Lưu ý: Học sinh có thể có cách diễn đạt khác. GV không cho điểm với những câu trả lời chung chung, trái với đạo đức và pháp luật.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* có đủ 3 phần ( mở bài, thân bài, kết bài) | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* hiện tượng ( vấn đề) trong trường học hiện nay. |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận*: *Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đúng kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống; dùng lí lẽ và bằng chứng để ý kiến của bản thân thuyết phục. Sau đây là một số định hướng:* **- Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận, bày tỏ ý kiến, quan điểm đồng tình hay không đồng tình về hiện tượng (vấn đề).**- Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định.+ Trình bày nêu ý kiến thứ nhất ( lí lẽ, bằng chứng phù hợp).+ Trình bày nêu ý kiến thứ hai ( lí lẽ, bằng chứng phù hợp).+ Trình bày nêu ý kiến thứ ba ( lí lẽ, bằng chứng phù hợp).…**- Kết bài:**+ Khẳng định quan điểm của mình về hiện tượng ( vấn đề) một lần nữa.+ Liên hệ mang tính giáo dục.*\* Lưu ý:* *Trong bài làm, học sinh có thể nêu nhiều ý kiến nhưng phải kết hợp linh hoạt giữa lí lẽ và bằng chứng. Giáo viên căn cứ vào bài làm của học sinh để cho điểm, tối đa không quá 3,5 điểm cho phần thân bài. Các ý kiến đưa ra không hợp lí GV chấm không cho điểm.* | 3,5 |
|  | *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, dùng từ, đặt câu.  | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bày tỏ sự hiểu biết sâu sắc về vấn đề, duy trì được mạch lạc và liên kết trong bài viết  |